

Số: 379/QĐ-CT.CTLN

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Lâm nghiệp Bình Thuận

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số
68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2026 của
Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Chủ
tịch UBND tỉnh Bình Thuận về việc hợp nhất hai doanh nghiệp: Công ty TNHH
MTV Lâm nghiệp Bình Thuận và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hàm Tân thành
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của
UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh cơ quan đại diện chủ sở hữu tại các
doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Công văn số 5930/UBND-NNMT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của
UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ý kiến chấp thuận nội dung Điều lệ Công ty TNHH
MTV Lâm nghiệp Bình Thuận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này “**Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Ban Tổng giám đốc, Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (thay báo cáo)
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Sở NN-MT;
- Như Điều 3;
- TBKS Công ty;
- Lưu: VT, TCHC, CT.Cty.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Ngọc Cường

**ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 379/QĐ-CT.CTLN ngày 12 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Công ty” là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) là Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) “Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty” là Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

c) “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, chi nhánh... nằm trong cơ cấu Công ty.

d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

đ) “Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp” là Luật 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 06 năm 2025.

e) “Nghị định số 47/2021/NĐ-CP” là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

f) “Nghị định số 366/2025/NĐ-CP” là Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

g) “Nghị định số 159/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

h) “Người quản lý Công ty” bao gồm là: Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên Công ty và trụ sở chính.

1. Tên, tên viết tắt của Công ty:

Tên Công ty: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Tên viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH THUAN FORESTRY ONE MEMBER LIMITED COMPANY

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 30 đường Yersin, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân.

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ vốn điều lệ của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh.

Công ty hoạt động theo các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty giao. Cụ thể:

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty hoạt động với mục tiêu tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, gắn với bảo vệ tài nguyên rừng và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích đất lâm nghiệp, đất sản xuất được Nhà nước cho thuê, giao quản lý. Phát triển chuỗi giá trị lâm nghiệp khép kín từ gieo ươm, trồng rừng, khai thác đến chế biến và dịch vụ, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm rừng trồng. Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và đóng góp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên rừng; trồng rừng, trồng cây công nghiệp; gắn với công nghiệp chế biến và thị trường.	0210 (Chính)
02	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
03	Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0230
04	Khai thác gỗ	0220
05	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
06	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
07	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ	5520
08	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Du lịch sinh thái	9329
09	Trồng cây cao su	0125
10	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
11	Trồng cây ăn quả	0121
12	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
13	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
14	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Doanh nghiệp thực hiện các điều kiện quy định về kinh doanh lâm sản theo Thông tư 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)).	1610
16	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
18	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
19	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
21	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
22	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679
24	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
25	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

3. Toàn bộ ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều này được đăng ký theo ngành cấp 4 của hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp.

Điều 5. Mức vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ là số vốn mà Công ty xác định, đăng ký và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Tổng vốn điều lệ: **97.795.230.976 đồng Việt Nam** (Chín mươi bảy tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng).

2. Trong quá trình hoạt động, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thông tin về Chủ sở hữu.

Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Số 4 Trần Hưng Đạo, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Việc phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Công ty theo quy định tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Công ty theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

Chủ tịch Công ty là người đứng đầu Công ty có trách nhiệm nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quản lý nhà nước.

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc

sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty.

Căn cứ quyền của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, pháp luật hiện hành về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty quy định chi tiết các quyền của Công ty, trong đó:

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều 7 Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Điều lệ này.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty.

Căn cứ nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, pháp luật hiện hành về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty quy định chi tiết các nghĩa vụ của Công ty, trong đó đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

e) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

f) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Công ty.

1. Quyết định mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty; quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư vốn nhà nước vào Công ty theo thẩm quyền; Quyết định chủ trương giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

2. Giao nhiệm vụ và một số chỉ tiêu cơ bản trong chiến lược phát triển, giao chỉ tiêu định hướng cho Công ty.

3. Có ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ của Công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty.

4. Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

5. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Công ty. Có ý kiến để Chủ tịch Công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc.

6. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật; Lựa chọn, quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức do mình quản lý làm Kiểm soát viên và có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho cán bộ, công chức khi thôi làm Kiểm soát viên; Có ý kiến về mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng cụ thể của Kiểm soát viên và thông báo để Công ty chi trả cho Kiểm soát viên.

7. Xem xét, phê duyệt bằng văn bản về mục đích, mức vốn đầu tư, thời gian thực hiện đối với dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty theo khoản 3 Điều 20 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

8. Có ý kiến chấp thuận cho Chủ tịch Công ty quyết định đối với phương án mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty theo quy định của pháp luật.

9. Phê duyệt cho Chủ tịch Công ty quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư có giá trị trên mức quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty theo quy định của pháp luật.

10. Có ý kiến chấp thuận về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty hàng năm theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; tỷ lệ trích Quỹ đầu tư phát triển phù hợp với nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 29 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

11. Ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên căn cứ quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm của Kiểm soát viên có ý kiến độc lập về chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm, phân phối lợi nhuận và các nội dung khác về quản lý, sử dụng vốn của Công ty, bảo đảm minh bạch, sử dụng hiệu quả vốn, tài sản, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực, phù hợp với quy mô, tình hình hoạt động của Công ty.

12. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Công ty.

1. Vốn điều lệ:

Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ Công ty.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt vốn điều lệ của Công ty (kể cả điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động).

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty:

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số tiền vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty;

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Cơ quan đại diện chủ sở hữu yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, có ý kiến chấp thuận về phương án mua, thuê mua, bán tài sản:

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt, chấp thuận chủ trương đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty:

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; đảm bảo để Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty chủ động quản lý, điều hành Công ty có hiệu quả theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty.

Công ty được tổ chức theo mô hình: Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 15. Chủ tịch Công ty.

1. Chủ tịch Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Chủ tịch Công ty được bổ nhiệm không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

2. Tiền lương, phụ cấp, thù lao của Chủ tịch Công ty được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

4. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty quy định tại Điều 16 của Điều lệ này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh "Chủ tịch Công ty" bao gồm cả trường hợp Chủ tịch Công ty kiêm Tổng giám đốc.

5. Quyết định của Chủ tịch Công ty có hiệu lực kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch Công ty hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định, trừ trường hợp phải được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

6. Chủ tịch Công ty làm việc hàng ngày tại Công ty. Trường hợp Chủ tịch Công ty vắng mặt trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nhiệm vụ, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty và được sự chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 16. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty.

Chủ tịch Công ty nhân danh Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty có quyền và trách nhiệm sau:

1. Ban hành điều lệ sau khi có ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, trong đó: điều lệ quy định rõ các nội dung phải có ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu khi sửa đổi, bổ sung. Ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, quy chế quản lý sử dụng tài sản cố định, quy chế nội bộ, quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty và quy chế quản lý sử dụng các quỹ để áp dụng trong nội bộ Công ty.

2. Ban hành, điều chỉnh chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

3. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc sau khi Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty có ý kiến.

4. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc Công ty.

5. Quyết định đầu tư vốn nhà nước theo thẩm quyền; báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu để quyết định đầu tư hoặc đề trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quyết định giảm vốn điều lệ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định 366/2025/NĐ-CP và thực hiện nộp phần vốn góp hoàn trả về ngân sách nhà nước trong trường hợp hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu Công ty theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

6. Quyết định phương án huy động vốn, phương án cho vay vốn đối với Công ty do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo thẩm quyền; Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty, chuyển nhượng dự án đầu tư, thuê mua, mua, bán tài sản cố định của Công ty theo thẩm quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không tạo lợi ích nhóm; quyết định thành lập Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

7. Chủ tịch Công ty phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế tài chính của Công ty.

8. Quyết định thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, các tổ chức cấu thành Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác.

9. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

10. Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định 366/2025/NĐ-CP, bảo đảm phù hợp với nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty; quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp sử dụng lợi nhuận còn lại để đầu tư dự án và bổ sung vốn điều lệ, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định 366/2025/NĐ-CP.

11. Quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, các chức danh do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, người lao động.

12. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.

13. Thực hiện việc sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt Đề án.

14. Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định điều chỉnh vốn điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Công ty.

15. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty;

16. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty và các trách nhiệm sau:

a) Báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao và những trường hợp sai phạm khác.

b) Chỉ đạo Công ty thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với những nội dung được phân cấp quyết định theo quy định tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, phù hợp với khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; chịu sự giám sát của Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

c) Quản lý và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

17. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của Công ty.

18. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo đặc thù của Công ty có báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty bằng văn bản.

19. Chủ tịch Công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch Công ty.

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.

4. Có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Không trong thời gian cấm đảm nhiệm chức vụ, xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật.

6. Không phải là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột

của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của một trong những người sau đây:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Tổng giám đốc;

c) Phó Tổng giám đốc;

d) Kế toán trưởng Công ty;

e) Kiểm soát viên Công ty.

7. Cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội không kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên.

8. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

9. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn nhà nước.

10. Không được tiếp tục làm Chủ tịch Công ty khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, hoặc bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc trong trường hợp có dấu hiệu bất thường về tình hình hoạt động của Công ty có nguy cơ ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của Công ty.

11. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về người quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có) và quy định của Điều lệ này.

Điều 18. Nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty.

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 19. Tổng giám đốc.

1. Tổng giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ và theo phê duyệt, chủ trương, quyết định của Chủ tịch Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Cơ quan đại diện chủ sở hữu về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Tổng giám đốc do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty chấp thuận. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với mỗi nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm, tính từ thời điểm bổ nhiệm có hiệu lực và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Việc bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Tổ chức điều hành mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty; thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty;

2. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty và của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty; sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo phương án đã được phê duyệt.

3. Quyết định các công việc hàng ngày của Công ty; các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty; các khoản thanh toán có tính chất thường xuyên thuộc hoạt động hằng ngày của Công ty như lập, xử lý chứng từ thủ tục thanh toán, thu, chi trả, nộp,... cho các giao dịch có liên quan đến đại lý, ngân hàng, các hoạt động, dịch vụ có liên quan khác.

4. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Công ty sau khi Chủ tịch Công ty quyết định hoặc đề Chủ tịch Công ty trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Xây dựng và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn trực thuộc; Tổ chức xây dựng, ban hành quy chế, thực hiện quy định của pháp luật, quy chế nội bộ của Công ty theo thẩm quyền để phục vụ công tác điều hành của Tổng giám đốc.

6. Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

7. Xây dựng kế hoạch lao động, chế độ tiền lương, thưởng, tiêu chuẩn, chế độ về cán bộ, quy hoạch đào tạo của Công ty trình Chủ tịch Công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện.

8. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

9. Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty;

10. Lập và trình Chủ tịch Công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu, kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính; kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; trình báo cáo quyết toán hằng năm; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo theo thẩm quyền phân cấp thuộc trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật.

11. Tuyển dụng và ký hợp đồng lao động theo kế hoạch lao động đã được phê duyệt. Quyết định quy hoạch, bố trí, phân công lao động, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc đối với người lao động Công ty;

12. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Tổng giám đốc.

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;

3. Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty về các doanh nghiệp mà Tổng giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;



6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc.

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 17 Điều lệ này, quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có).

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

3. Không phải là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của một trong những người sau đây:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Chủ tịch Công ty;

c) Phó Tổng giám đốc;

d) Kế toán trưởng của Công ty;

e) Kiểm soát viên Công ty.

4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch Công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

5. Không được kiêm Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty.

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc có thể báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Tổng giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

3. Tổng giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty do Tổng giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 24. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan.

1. Chủ tịch, Tổng giám đốc Công ty:

a) Không được để vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Công ty;

b) Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty (nếu có).

Điều 25. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

1. Ban kiểm soát do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định thành lập. Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên, Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty; Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của Công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định theo pháp luật.

Điều 26. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty;

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty;

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan;

g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

i) Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.

Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

k) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.

l) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 27. Quyền của Ban kiểm soát.

1. Tham gia các cuộc họp, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của Cơ quan đại diện chủ sở hữu với Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc; chất vấn Chủ tịch Công ty và Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Yêu cầu Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

4. Yêu cầu người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

6. Quyền khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát.

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

2. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

3. Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

4. Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 29. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

6. Báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

7. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

c) Được Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Điều lệ

Công ty và pháp luật liên quan.

2. Trường Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 31. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát, Chủ tịch Công ty và Tổng giám đốc Công ty.

1. Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty có quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Ban kiểm soát tại Công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Chủ tịch Công ty có quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho Ban kiểm soát biết. Sau khi nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty phải bảo đảm gửi thông tin đến Ban kiểm soát kịp thời về các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

4. Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyền hạn của Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Ban kiểm soát; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Khi Ban kiểm soát gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh thì đồng thời gửi cho Công ty, trừ trường hợp có quy định khác của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp Công ty có ý kiến khác với ý kiến của Ban kiểm soát thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Công ty có quyền đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề có ý kiến khác nhau.

Điều 32. Thể thức thông qua quyết định của Công ty:

1. Nguyên tắc chung:



a) Việc thông qua quyết định của Công ty phải đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

b) Công khai, minh bạch, đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Thể thức thông qua quyết định:

a) Đối với các nội dung quan trọng liên quan đến kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức bộ máy, tài chính và các vấn đề khác theo quy định, căn cứ vào thẩm quyền, người có thẩm quyền có thể tổ chức lấy ý kiến của Kiểm soát viên, người quản lý Công ty, các phòng, ban nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty có liên quan trước khi quyết định.

Hình thức lấy ý kiến: Tổ chức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch Công ty quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận, phê duyệt bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 33. Căn cứ và phương pháp xác định tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý và Kiểm soát viên

1. Nguyên tắc xác định:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động;

b) Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng lao động;

c) Căn cứ vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phù hợp với thị trường, ngành nghề, tính chất hoạt động của Công ty;

d) Căn cứ vào năng suất lao động, hiệu quả công việc của người lao động, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên.

2. Tiền thưởng cho người lao động, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên tại Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo Điều lệ Công ty hưởng lương trong quỹ lương chung của Công ty.

4. Căn cứ nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Công ty quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người lao động, các chức danh quản lý của Công ty.

5. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước, các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế hoặc chính sách tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

Điều 34. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

1. Phó Tổng giám đốc:

1.1. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

1.2. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Tổng giám đốc theo quy mô và đặc điểm kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động trên cơ sở ý kiến thống nhất của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

1.3. Quyền và nghĩa vụ của Phó Tổng giám đốc.

a) Chủ động triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành công việc của các phòng, các đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện thuộc Công ty được phân công phụ trách;

b) Trực tiếp quản lý, điều hành công việc đã được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền giải quyết; đồng thời chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Chủ tịch Công ty, trước pháp luật và Cơ quan đại diện chủ sở hữu về thực hiện nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền;

c) Chủ động thực hiện tham mưu, đề xuất ý kiến về lĩnh vực công việc được giao phụ trách; chủ động giải quyết công việc liên quan đến hoạt động chung hàng ngày của Công ty theo phân cấp thẩm quyền;

d) Chỉ đạo và triển khai thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định được Tổng giám đốc hoặc Chủ tịch Công ty phân công; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo ủy quyền, quyết định của Tổng giám đốc, Chủ tịch Công ty.

2. Kế toán trưởng:

2.1. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán giúp người đại diện theo pháp luật của Công ty (Chủ tịch Công ty) giám sát tài chính Công ty theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan, chịu sự lãnh đạo của Chủ tịch Công ty.

2.2. Công việc, trách nhiệm và quyền của Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán của Công ty, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty;

b) Kế toán trưởng giúp Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc (theo phân cấp thẩm quyền) của Công ty giám sát tài chính tại Công ty;

c) Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc (theo phân cấp thẩm quyền) của Công ty;

d) Kế toán trưởng có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;

- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

đ) Có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

e) Có ý kiến bằng văn bản với Tổng giám đốc về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ quỹ; yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của Kế toán trưởng;

f) Bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định;

g) Báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc (theo phân cấp thẩm quyền) khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định hoặc Cơ quan đại diện chủ sở hữu và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

2.3. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Chủ tịch Công ty và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

3.1. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.3. Không phải là vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của một trong những người sau đây:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Người quản lý Công ty;

c) Kiểm soát viên Công ty.

3.4. Chưa từng bị cách chức các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định pháp luật.

3.5. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; trong độ tuổi bổ nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

3.6. Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, Nhà nước; các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

4. Bộ máy giúp việc:

Bộ máy giúp việc bao gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty quản lý, điều hành Công ty.

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng giám đốc Công ty quyết định sau khi có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Công ty. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc quy định hoặc điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của bộ máy giúp việc phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu hoạt động và quy mô sản xuất của Công ty.

Điều 35. Điều kiện bổ nhiệm Người quản lý Công ty.

1. Bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện chung theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của chức vụ, chức danh bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với nhân sự từ nguồn tại chỗ phải được quy hoạch vào chức vụ, chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức vụ, chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự nguồn từ nơi khác phải được quy hoạch vào chức vụ, chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

4. Tuổi bổ nhiệm:

a) Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lần đầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cao hơn thì phải đủ tuổi để công tác trọn thời hạn bổ nhiệm. Thời điểm tính tuổi bổ nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Nhân sự được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm theo quy định tại điểm a khoản này.

5. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

7. Không trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra,

kiểm tra thì cấp có thẩm quyền trao đổi với cơ quan thanh tra, kiểm tra về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm trước khi quyết định.

8. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương tối thiểu là 02 năm (24 tháng), nếu không liên tục thì được cộng dồn (chỉ cộng dồn đối với thời gian giữ chức vụ tương đương). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

9. Người quản lý doanh nghiệp bị kỷ luật trong thời gian giữ chức vụ thì không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn trong thời hạn theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 36. Từ chức, miễn nhiệm đối với Người quản lý Công ty.

1. Từ chức:

Người quản lý Công ty được xem xét cho từ chức trong các trường hợp sau:

a) Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

b) Để Công ty, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.

c) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng.

Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

d) Vì các lý do chính đáng khác của cá nhân.

2. Miễn nhiệm:

Người quản lý Công ty được xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà cấp có thẩm quyền xác định là năng lực hạn chế, uy tín giảm sút.

b) Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một thời hạn bổ nhiệm.

c) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng.

Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

d) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

g) Người quản lý Công ty là người đứng đầu để Công ty, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

3. Quy trình xem xét cho từ chức, miễn nhiệm đối với người quản lý Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

Điều 37. Đơn vị trực thuộc.

1. Đơn vị trực thuộc Công ty là đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Chủ tịch Công ty phê duyệt, không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Chủ tịch Công ty ban hành. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Đơn vị trực thuộc Công ty hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Công ty quyết định ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Đối với văn phòng đại diện và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Công ty phê duyệt và Tổng giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch Công ty quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới, tổ chức lại hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Công ty có thể thành lập Ban Kiểm soát nội bộ để giúp Chủ tịch Công ty thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban Kiểm soát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ do Chủ tịch Công ty ban hành.

4. Đơn vị sự nghiệp của Công ty hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Chủ tịch Công ty phê duyệt; được Công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của Công ty và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do Công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ.

Điều 38. Hình thức tham gia quản lý của người lao động.

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động.

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

e) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Tổng giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty

cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 40. Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 5 của Điều lệ này có thể được xác định lại hoặc tăng trong quá trình hoạt động. Mức vốn điều lệ xác định lại được Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt.

2. Việc xác định lại vốn điều lệ; trình tự, thủ tục và thẩm quyền, trách nhiệm và nguồn bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi, thay thế và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 41. Quản lý tài chính Công ty.

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty, gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác (nếu có).

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

4. Những nội dung khác có liên quan.

Điều 42. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh:

1. Lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thì được sử dụng để xử lý các chi phí sau đây:

a) Chi phí được xử lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quy định của các luật có liên quan;

b) Chi phí khảo sát, thăm dò khoáng sản cho mục đích đầu tư nhưng không đủ điều kiện triển khai dự án theo quy định của Chính phủ; chi phí đầu tư thất bại tại các dự án đầu tư, khoản đầu tư có tính đặc thù, rủi ro cao theo quy định của Chính phủ;

c) Chi phí thực hiện nhiệm vụ chính trị do cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của Chính phủ.

2. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:

a) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Công ty, bổ sung vốn điều lệ.

b) Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

c) Trích lập các quỹ theo quy định của các luật có liên quan;

d) Công ty nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ.

3. Xử lý lỗ trong kinh doanh, Công ty thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

CƠ CẤU LẠI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY

Điều 43. Cơ cấu lại vốn nhà nước tại Công ty

1. Cơ cấu lại vốn nhà nước tại Công ty theo hình thức, phương thức và lộ trình phù hợp với thị trường, chiến lược phát triển, điều kiện hoạt động của Công ty, gắn với tiêu chí phân loại doanh nghiệp và kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt theo quy định của Chính phủ.

2. Hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại Công ty:

a) Tổ chức lại Công ty;

b) Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty;

c) Chuyển giao dự án đầu tư, vốn, tài sản của Công ty;

d) Giải thể, phá sản Công ty.

Điều 44. Tổ chức lại Công ty

1. Hình thức tổ chức lại Công ty:

a) Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Công ty;

b) Chuyển đổi loại hình Công ty từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

2. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật khác có liên quan và quy định của Chính phủ.

3. Chuyển đổi loại hình Công ty quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị Công ty và giá khởi điểm theo quy định của pháp luật về thẩm định giá làm cơ sở xây dựng và quyết định phương án chuyển đổi loại hình Công ty;

b) Việc chào bán cổ phần, phần vốn góp, huy động thêm phần vốn góp để chuyển đổi loại hình Công ty thực hiện theo phương thức đấu giá công khai hoặc phương thức khác theo quy định của Chính phủ. Việc chào bán cổ phần không bị hạn chế bởi điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

c) Không thực hiện xác định trong giá trị Công ty khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đối với tài sản là các công trình, dự án kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh mà Công ty nhận quyền khai thác chỉ được quyền quản lý, vận hành, khai thác. Việc quản lý, sử dụng đất của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Việc xử lý khoản thu, khoản chi trong quá trình chuyển đổi loại hình Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ.

4. Thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục và việc xử lý tài chính khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi loại hình Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 45. Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Các trường hợp chuyển giao:

a) Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước giữa các cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước từ cơ quan đại diện chủ sở hữu sang doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Các trường hợp chuyển giao khác theo quy định của Chính phủ.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, việc xử lý tài chính khi chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 46. Chuyển giao dự án đầu tư, vốn, tài sản của Công ty

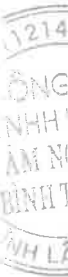
1. Các hình thức chuyển giao dự án đầu tư, vốn, tài sản của Công ty:

a) Chuyển giao dự án đầu tư, vốn, tài sản giữa các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Các trường hợp chuyển giao khác theo quy định của Chính phủ.

2. Việc chuyển giao quyền mua cổ phần, quyền ưu tiên mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và cơ chế quản lý sau khi chuyển giao thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, việc xử lý tài chính khi thực hiện chuyển giao thực hiện theo quy định của Chính phủ.



Điều 47. Giải thể, phá sản Công ty

1. Giải thể Công ty:

a) Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan;

b) Công ty khi thực hiện giải thể được ngân sách nhà nước hỗ trợ để bảo đảm kinh phí giải quyết các tồn tại do mất khả năng thanh toán và chi phí giải thể trong trường hợp tiền thu bán tài sản không bảo đảm khả năng thanh toán;

c) Sau khi thanh toán chi phí giải thể Công ty và các khoản nợ của Công ty, phần còn lại theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của Nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước;

d) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, việc xử lý tài chính khi thực hiện giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Việc phá sản Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản và pháp luật khác có liên quan.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 48. Trách nhiệm và báo cáo thông tin.

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 49. Chế độ báo cáo và thông tin cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

1. Chủ tịch Công ty báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty những nội dung sau đây:

a) Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty;

c) Kết quả thực hiện kế hoạch hằng quý bao gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của Công ty;

d) Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty;

đ) Các nội dung báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

e) Các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty;

g) Kết quả giám sát nội bộ.

2. Đại diện Kiểm soát viên trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 50. Công khai thông tin.

1. Chủ tịch Công ty (người đại diện theo pháp luật của Công ty) quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của Công ty theo quy định của pháp luật. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Điều 51. Các thông tin công bố định kỳ.

1. Công ty phải định kỳ công bố các thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty;

b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo nội dung quy định tại Biểu số 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện;

c) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II kèm theo Nghị định

47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

d) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác theo nội dung quy định tại Biểu số 4 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

đ) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

e) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 6 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

g) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

h) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 52. Công bố thông tin bất thường.

Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của Công ty; Cổng thông tin doanh nghiệp và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Công ty;

d) Thay đổi Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các Công ty khác.

Điều 53. Hình thức và phương tiện công bố thông tin.

1. Hình thức công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

b) Cổng hoặc trang thông tin điện tử của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Cổng thông tin doanh nghiệp.

3. Trường hợp thời điểm thực hiện công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày làm việc đầu tiên ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khác do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Chủ tịch Công ty quyết định ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung sau khi có ý kiến chấp thuận về nội dung Điều lệ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

Điều 55. Quản lý con dấu của Công ty.

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty ban hành quy chế quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Hiệu lực và phạm vi thi hành.

1. Điều lệ này gồm 9 chương, 57 Điều, có hiệu lực kể từ ngày được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt và thay thế Điều lệ được ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH CÔNG TY**



Lê Ngọc Cường